

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 47/2026/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 16 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1922/TTr-SNV ngày 20 tháng 3 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 4 năm 2026.

Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định chi tiết, hướng dẫn tiêu chuẩn xét

tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *th*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VB&TCTHPL, thuộc Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc thuộc Tỉnh ủy;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Nôn).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *M*
CHỦ TỊCH



Phạm Thành Ngại



QUY ĐỊNH
Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp
(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2026/QĐ-UBND)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết các nội dung được giao tại khoản 6 Điều 24, khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 30, khoản 2 Điều 31, khoản 7 Điều 84, khoản 5 Điều 90, khoản 9 Điều 93 của Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết hoạt động của cụm, khối thi đua, tuyển trình khen thưởng, công tác hiệp y khen thưởng; công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Các nội dung khác không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và các quy định có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy; các Đảng ủy, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tỉnh ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh.

Phòng, ban, đơn vị sự nghiệp và tương đương (trường trung học phổ thông, bệnh viện, trung tâm y tế và tương đương; khoa, phòng thuộc bệnh viện, trung tâm y tế) thuộc các cơ quan chuyên môn và tương đương, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, các Đảng ủy, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.

2. Hộ gia đình, cá nhân người Việt Nam. Hộ gia đình, cá nhân người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài; cơ quan, tổ chức nước ngoài, các tổ chức quốc tế ở Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp có thành tích đóng góp cho địa phương.

3. Doanh nghiệp nhà nước; xí nghiệp, phòng, phân xưởng và tương đương thuộc doanh nghiệp nhà nước. Doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế khác hoặc tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác không thuộc thẩm quyền quản lý nhưng có thành tích đóng góp cho địa phương.

4. Cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức.
5. Cấp xã, gồm: các cơ quan, tổ chức đảng; phòng và tương đương, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc cấp xã.
6. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng.

Chương II

TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 3. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Tập thể lao động tiên tiến”

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 và khoản 1 Điều 28 Luật số 06/2022/QH15 và quy định pháp luật thi đua khen thưởng hiện hành.

Điều 4. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Xét tặng danh hiệu cờ thi đua cho đơn vị tham gia cụm, khối thi đua: thực hiện theo quy định khoản 1 Điều 26 Luật số 06/2022/QH15 và quy định pháp luật thi đua khen thưởng hiện hành. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả; có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể, đơn vị khác trong tỉnh học tập.

2. Trong trường hợp đã đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” mà không được xét tặng thì tỉnh quyết định tặng cờ thi đua.

3. Xét tặng danh hiệu cờ thi đua cho đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào. Tiêu chuẩn xét tặng quy định cụ thể trong kế hoạch tổ chức phong trào thi đua hoặc chuyên đề thi đua.

Điều 5. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu xã, phường tiêu biểu

Danh hiệu xã, phường tiêu biểu được xét tặng hằng năm cho xã, phường tiêu biểu dẫn đầu phong trào thi đua của tỉnh và đạt các tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều 29 của Luật số 06/2022/QH15.

Điều 6. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

Thực hiện theo quy định khoản 1 Điều 24 Luật số 06/2022/QH15; khoản 5 Điều 2 Thông tư số 15/2025/TT-BNV quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; các quy định pháp luật thi đua khen thưởng hiện hành.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật số 06/2022/QH15 và quy

định pháp luật thi đua khen thưởng hiện hành.

Điều 7. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật số 06/2022/QH15, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

1. Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”.
2. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc có sáng kiến được cơ sở công nhận hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu được đơn vị công nhận.

Chương III
TIÊU CHUẨN XÉT KHEN THƯỞNG

Điều 8. Tiêu chuẩn xét tặng Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và tương đương, doanh nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua do đơn vị, địa phương phát động;
- b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của đơn vị, địa phương;
- c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo tại đơn vị, địa phương;
- d) Những trường hợp có thành tích khác do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

2. Giấy khen để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua do đơn vị, địa phương phát động;
- b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của đơn vị, địa phương;
- c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo tại đơn vị, địa phương;
- d) Những trường hợp có thành tích khác do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

3. Giấy khen để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích trong phong trào thi đua;

b) Hộ gia đình ngoài địa phương có nhiều đóng góp cho sự phát triển của địa phương, đơn vị hoặc có thành tích tiêu biểu đột xuất.

4. Mức đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo, công sức, đất đai và tài sản tại đơn vị, địa phương quy định tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều này, cụ thể như sau:

a) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

Cá nhân có mức đóng góp tương đương từ 10 đến dưới 20 triệu đồng; tập thể, hộ gia đình từ 20 đến dưới 50 triệu đồng.

Doanh nghiệp có mức đóng góp tương đương từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng.

Cá nhân vận động tập thể, cá nhân khác đóng góp tương đương từ 100 triệu đồng đến dưới 400 triệu đồng (01 lần vận động hoặc cộng dồn trong một năm (12 tháng)).

b) Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và tương đương:

Cá nhân có mức đóng góp tương đương từ 20 đến dưới 100 triệu đồng; tập thể, hộ gia đình từ 50 đến dưới 200 triệu đồng.

Doanh nghiệp có mức đóng góp tương đương từ 200 triệu đồng đến dưới 400 triệu đồng.

Cá nhân vận động tập thể, cá nhân khác đóng góp tương đương từ 400 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng (01 lần vận động hoặc cộng dồn trong một năm (12 tháng)).

Điều 9. Tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân; để tặng cho tập thể, doanh nghiệp, tổ chức khác, hộ gia đình đạt đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 74 Luật số 06/2022/QH15 và Điều 6 Thông tư số 15/2025/TT-BNV.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng hằng năm cho tập thể có thành tích được bình xét trong cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức.

3. Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho tập thể và cá nhân gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cho những trường hợp đặc biệt sau:

a) Tập thể, cá nhân đạt giải nhất, nhì, ba (tương đương huy chương Vàng, Bạc, Đồng) trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn quốc tế; giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia; giải nhất chuyên ngành có quy mô cấp tỉnh (trừ trường hợp đã được bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương tuyên dương, khen thưởng). Cá nhân có thành tích huấn luyện, hướng dẫn cho tập thể, cá nhân đạt giải Nhất, Nhì, Ba cấp quốc tế,

quốc gia. Trường hợp tập thể, cá nhân đạt giải cao ở nhiều nội dung trong một cuộc thi thì chỉ được xét khen thưởng cho thành tích cao nhất, chỉ xét khen thưởng 01 huấn luyện viên hoặc giáo viên hướng dẫn chịu trách nhiệm chính tập thể, cá nhân đạt giải;

b) Học sinh đạt thành tích thủ khoa kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông trong toàn tỉnh (nếu trùng điểm thủ khoa khen tất cả số lượng);

c) Sinh viên là công dân tỉnh Đồng Tháp tốt nghiệp đại học chính quy được xếp loại thủ khoa;

d) Tập thể, cá nhân, doanh nghiệp, hộ gia đình có đóng góp vào công tác xã hội, từ thiện nhân đạo, công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội trên địa bàn tỉnh.

Cá nhân có mức đóng góp tương đương từ 100 triệu đồng trở lên; tập thể, hộ gia đình có mức đóng góp tương đương 200 triệu đồng trở lên. Doanh nghiệp có mức đóng góp tương đương 400 triệu đồng trở lên. Cá nhân vận động tập thể, cá nhân khác đóng góp tương đương 01 tỷ đồng trở lên (01 lần vận động hoặc cộng dồn trong một năm (12 tháng)).

đ) Những trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc, đột xuất khác (không có trong chương trình, kế hoạch) thì phải có văn bản xin chủ trương của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi trình khen thưởng.

Điều 10. Tiêu chuẩn xét tặng “Kỷ niệm chương”

Kỷ niệm chương để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của tỉnh. Tên kỷ niệm chương, đối tượng và tiêu chuẩn tặng kỷ niệm chương do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG; THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG VÀ TỔ CHỨC TRAO THƯỞNG

Mục 1

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 11. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 79 Luật số 06/2022/QH15 quyết định tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh”, danh hiệu “xã, phường tiêu biểu”, bằng khen, kỷ niệm chương của tỉnh.

Điều 12. Thẩm quyền của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn và tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn và tương đương, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tặng hoặc ủy quyền người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc (có tư cách pháp nhân) công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và giấy khen.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng danh hiệu khu phố, khóm, ấp văn hóa, “Gia đình văn hóa”, “Tập thể lao động tiên tiến”; “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” và giấy khen theo quy định.

3. Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” và giấy khen; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên quyết định tặng giấy khen.

Mục 2

HỒ SƠ, THỦ TỤC XÉT TẶNG CÁC DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG VÀ TỔ CHỨC TRAO THƯỞNG

Điều 13. Quy định chung về hồ sơ, thủ tục khen thưởng

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn và tương đương, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, các Đảng ủy, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đánh giá thành tích, xác nhận thành tích, thủ tục và nội dung hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gồm: Hồ sơ, thủ tục, điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình, tính chính xác của thành tích và các nội dung liên quan đến thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Đối với bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thành tích hằng năm thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp thì kết thúc năm công tác hoặc năm học, các cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp tổ chức bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

3. Cá nhân đã nghỉ hưu, hay đơn vị đã giải thể hoặc sáp nhập thì đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ của đơn vị đó có trách nhiệm xem xét, đề nghị khen thưởng; cá nhân đã nghỉ hưu (hoặc hy sinh, tử trận) hồ sơ đề nghị khen thưởng do cơ quan quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu (hoặc hy sinh, tử trận) xem xét, hoàn chỉnh, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

4. Việc bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được thực hiện bằng hình thức giơ tay biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu. Riêng, khi họp xét danh hiệu “Tình Anh hùng”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Cờ thi đua Chính phủ”, “Cờ thi đua của tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp phải tiến hành bỏ phiếu.

Đối với tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng danh hiệu “Tình Anh hùng”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, “Chiến

sĩ thi đua toàn quốc”, “Chiến sĩ thi đua tỉnh” phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng.

Đối với danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Cờ thi đua của tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp từ 80% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng.

Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng còn lại khi có từ 50% trở lên thành viên Hội đồng đồng ý.

Trong trường hợp Ủy viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản. Kết quả và tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng theo quy định phải được thể hiện trong Biên bản bình xét thi đua, Biên bản xét khen thưởng.

5. Thời gian đề nghị khen thưởng lần tiếp theo được tính từ thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian đề nghị khen thưởng lần sau được tính từ thời điểm ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

Đối với cá nhân, thời gian có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị khen thưởng là thời gian tính từ khi được khen thưởng lần trước đến thời điểm đề nghị khen thưởng (của lần tiếp theo) phải liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Đối với tập thể, trong thời gian từ khi được khen thưởng lần trước đến thời điểm đề nghị khen thưởng (của lần tiếp theo) phải có liên tục từ 05 năm trở lên, 10 năm trở lên, 15 năm trở lên, 25 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc đạt danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” hoặc lập được thành tích xuất sắc hoặc đặc biệt xuất sắc; các năm còn lại phải được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

6. Đối với cá nhân (ngư dân, đồng bào dân tộc thiểu số, nông dân, công nhân, người yếu thế, khuyết tật), tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động, sản xuất, công tác; cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện đề nghị khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng, hồ sơ đề nghị khen thưởng gồm: Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng; báo cáo tóm tắt thành tích do cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị thực hiện.

7. Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể, hộ gia đình được đề nghị khen thưởng phải phù hợp với điều kiện, tiêu chuẩn của danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng theo quy định và thể hiện theo mẫu tại Quy định này, Phụ lục kèm theo Nghị định số 152/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật số 06/2022/QH15.

Nội dung thành tích trong báo cáo của cá nhân, tập thể, hộ gia đình được đề nghị tặng thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước tính đến thời điểm cơ quan, đơn vị, địa phương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trước 06 tháng (trừ khen thưởng thành tích kháng chiến), quá thời hạn trên, Sở

Nội vụ không nhận hồ sơ trình khen thưởng.

8. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

a) Khen thưởng, giải thưởng cấp Nhà nước (Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, Kỷ niệm chương,) thực hiện theo đúng Mẫu quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ;

b) Khen thưởng cấp tỉnh (“Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua tỉnh”, Bằng khen); cơ quan, đơn vị trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng thực hiện theo Mẫu đính kèm;

c) Cấp xã khen thưởng sử dụng Mẫu của cấp tỉnh và điều chỉnh nội dung cho phù hợp với yêu cầu khen thưởng quy định;

d) Mỗi Tờ trình đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước, cấp tỉnh có thể nhiều tập thể, cá nhân, nhưng mỗi danh hiệu thi đua, mỗi hình thức khen thưởng phải tách thành các Tờ trình khác nhau;

đ) Hồ sơ gửi qua Sở Nội vụ là đầu mối tiếp nhận, tổng hợp khen thưởng theo quy định; báo cáo thành tích bản giấy (bản chính), các hồ sơ còn lại gửi bằng tệp tin điện tử (file pdf của hồ sơ khen thưởng, file word của Tờ trình kèm theo danh sách cơ quan, đơn vị, địa phương) qua phần mềm “Hệ thống văn phòng điện tử của tỉnh”, trừ nội dung bí mật Nhà nước.

9. Việc lấy ý kiến của cơ quan, địa phương liên quan về các trường hợp đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng đúng đối tượng, đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục theo quy định; đơn vị trình khen phải lấy ý kiến cơ quan có liên quan; đối với khen thưởng chuyên đề, đột xuất liên quan đến doanh nghiệp phải có ý kiến về việc chấp hành pháp luật, kết quả thực hiện nhiệm vụ, chế độ bảo hiểm xã hội, an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm trước khi trình hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng, trừ trường hợp quy định theo Điều 34 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP và Quyết định số 01/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 14. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học

1. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học các cấp do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thành lập, quy định tổ chức và hoạt động. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học có nhiệm vụ giúp người đứng đầu công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ để làm căn cứ đề nghị xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua hoặc đề nghị các hình thức khen thưởng cho cá nhân theo tiêu chuẩn có sáng kiến hoặc công trình khoa học và công nghệ. Việc công nhận được thể hiện bằng Quyết định hoặc văn bản xác nhận. Văn bản xác nhận theo Mẫu số 13 của Phụ lục kèm theo

Nghị định số 152/2025/NĐ-CP.

2. Trường hợp pháp luật có quy định mới về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, cá nhân là tác giả, đồng tác giả của nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo được sử dụng kết quả để đề nghị xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua hoặc hình thức khen thưởng theo quy định căn cứ vào khả năng, quy mô, hiệu quả áp dụng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Điều 15. Hồ sơ xét, đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Đối với danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”

a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua (của bộ phận tham mưu công tác khen thưởng);

b) Báo cáo thành tích của tập thể;

c) Văn bản đánh giá, xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hoặc kế hoạch được giao của thủ trưởng đơn vị đối tập thể trình khen thưởng;

d) Biên bản bình xét thi đua của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương có thẩm quyền xét danh hiệu. Biên bản nêu rõ tập thể có nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

đ) Văn bản của cấp có thẩm quyền về kết quả thi đua của cá nhân trong tập thể và thể hiện được có ít nhất 70% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

e) Văn bản của cấp ủy có thẩm quyền đánh giá, xác nhận tổ chức đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

2. Đối với danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

a) Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng danh hiệu quy định tại khoản 9 Điều 13 của Quy định này;

b) Báo cáo thành tích của tập thể;

c) Văn bản đánh giá, xếp loại chất lượng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trở lên hoặc kế hoạch được giao của thủ trưởng đơn vị đối tập thể trình khen thưởng;

d) Biên bản bình xét thi đua của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương. Biên bản nêu rõ tập thể có nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

đ) Văn bản của cấp có thẩm quyền về kết quả thi đua của cá nhân trong tập thể và thể hiện được có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

e) Văn bản của cấp có thẩm quyền xác nhận có cá nhân thuộc tập thể đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

g) Văn bản của cấp ủy có thẩm quyền đánh giá, xác nhận tổ chức đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

3. Đối với danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

a) Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương (hoặc của cụm trưởng, khối trưởng đối với khối thi đua; cơ quan thường trực phong trào thi đua) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng danh hiệu quy định tại khoản 9 Điều 13 của Quy định này;

b) Báo cáo thành tích của tập thể;

c) Biên bản bình xét thi đua của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp trình khen thưởng. Biên bản nêu rõ tập thể có nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả; có kết quả dẫn đầu cụm, khối thi đua, phong trào thi đua;

d) Văn bản của cấp ủy có thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hoặc kế hoạch được giao của thủ trưởng đơn vị đối tập thể trình khen thưởng.

4. Đối với danh hiệu “Lao động tiên tiến”

a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua (của bộ phận tham mưu công tác khen thưởng);

b) Văn bản đánh giá, xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hoặc kế hoạch được giao của thủ trưởng đơn vị đối cá nhân trình khen thưởng;

c) Biên bản bình xét thi đua của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương có thẩm quyền xét danh hiệu.

5. Đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua (của bộ phận tham mưu công tác khen thưởng);

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền xác nhận, quyết định xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

c) Chứng nhận hoặc xác nhận, quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

d) Biên bản bình xét thi đua và kết quả bỏ phiếu danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương.

6. Đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh”

a) Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng danh hiệu quy định tại khoản 9 Điều 13 của Quy định này;

b) Báo cáo thành tích của cá nhân;

c) Văn bản cấp có thẩm quyền xác nhận, quyết định xét tặng danh hiệu

“Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho cá nhân, phải được công nhận chiến sĩ thi đua 03 lần liên tục;

d) Chứng nhận hoặc xác nhận, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong tỉnh hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh.

Điều 16. Quy định về lấy ý kiến để khen thưởng

1. Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Xem xét có ý kiến đối với đề nghị khen thưởng cho đơn vị và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân trực thuộc bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP;

b) Lấy ý kiến bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương có chức năng quản lý ngành, lĩnh vực khen thưởng đối với đề nghị khen cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh (kể cả khối Đảng) theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP đối với đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”;

c) Lấy ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy, xem xét, có ý kiến bằng văn bản trước khi trình Thủ tướng Chính phủ:

Khen thưởng đối với cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng: “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập” (các hạng), “Tình Anh hùng”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, “Nhà giáo nhân dân”, “Thầy thuốc nhân dân”, “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ nhân nhân dân”, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến đối với các trường hợp không thuộc khoản 1 Điều này theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.

3. Tập thể trên địa bàn và cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy xã quản lý khi đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng gồm: “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Chiến sĩ thi đua tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Huân chương các loại các hạng, danh hiệu vinh dự Nhà nước”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” phải có ý kiến bằng văn bản của Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã.

4. Đối với các tổ chức, cá nhân thuộc các tôn giáo khi đề nghị khen thưởng phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan tham mưu về quản lý nhà nước lĩnh vực tôn giáo.

5. Đối với các chuyên đề thi đua do cơ quan, đơn vị phát động có đề nghị tặng “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” cho các tập thể, cá nhân thuộc cấp xã quản lý phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận báo cáo thành tích.

6. Đối với các doanh nghiệp khi đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải có các văn bản chứng minh thực hiện nghĩa vụ đầy đủ đối với quy định của Nhà nước; đối với cá nhân, tập thể thể ngoài tỉnh và doanh nghiệp có trụ sở ngoài tỉnh thì đơn vị trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng lấy ý kiến địa phương xã, phường nơi cư trú, có trụ sở, nơi đăng ký hoạt động.

7. Đối với các cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài; các tổ chức chính phủ, phi chính phủ khi đề nghị khen thưởng phải có ý kiến bằng văn bản của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (bộ phận phụ trách công tác ngoại vụ), Công an tỉnh.

8. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện đề xuất khen thưởng để tặng “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” đối với cá nhân, tập thể nước ngoài theo quy định.

9. Việc lấy ý kiến để khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng về các nội dung:

a) Việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kết quả hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể (nếu tổ chức đảng, đoàn thể sinh hoạt tại địa phương).

b) Thực hiện chế độ bảo hiểm cho công nhân, người lao động; đảm bảo môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh và an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm (đối với đơn vị sản xuất, kinh doanh).

10. Khi nhận được văn bản xin ý kiến về việc khen thưởng của cơ quan, đơn vị, đề nghị khen thưởng hoặc của Sở Nội vụ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị (tính theo dấu bưu điện hoặc thời gian tiếp nhận trên Văn phòng điện tử của tỉnh), cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đúng thời gian quy định. Thủ trưởng cơ quan được xin ý kiến khen thưởng chịu trách nhiệm trước pháp luật về thời gian trả lời văn bản và nội dung được xin ý kiến.

Trường hợp Sở Nội vụ xin ý kiến mà cơ quan chức năng không cho ý kiến thì Sở Nội vụ trình khen thưởng theo quy định.

Điều 17. Quy định thời gian nhận hồ sơ, thẩm định và thông báo kết quả thẩm định, kết quả khen thưởng

1. Thời gian Sở Nội vụ nhận hồ sơ đề nghị xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

a) Hồ sơ đề nghị tặng thưởng “Cờ thi đua của Chính phủ” cho các đơn vị thuộc tỉnh: gửi hồ sơ đề nghị đến Sở Nội vụ chậm nhất ngày 15/3 hằng năm. Riêng khối giáo dục và đào tạo chậm nhất ngày 15/9 hằng năm;

b) Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”: gửi Sở Nội vụ chậm nhất ngày 31/10 hằng năm.

2. Thời gian Sở Nội vụ nhận hồ sơ đề nghị xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh

a) Hồ sơ đề nghị tặng thưởng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” cho cụm, khối dẫn đầu phong trào thi đua tỉnh và “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” cho các đơn vị thuộc cụm, khối chậm nhất ngày 15/02 hằng năm;

b) Hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu thi đua “Chiến sĩ thi đua tỉnh”: chậm nhất là 15 ngày sau khi có Quyết định công nhận sáng kiến và phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh;

c) Hồ sơ đề nghị khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với thành tích thực hiện các chuyên đề thi đua: gửi về Sở Nội vụ trước 20 ngày, kể từ ngày cơ quan, đơn vị tổ chức sơ kết, tổng kết chuyên đề thi đua (đối với những trường hợp đã có quy định tiêu chuẩn, số lượng khen thưởng; những trường hợp chưa có quy định tiêu chuẩn, số lượng khen thưởng phải phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu xin chủ trương, số lượng khen thưởng và hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục theo thời gian quy định nêu trên);

d) Hồ sơ đề nghị khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đột xuất theo trình tự thủ tục rút gọn phải gửi về Sở Nội vụ ngay sau khi tập thể, cá nhân lập được thành tích (nếu có);

e) Hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng sau khi tổng kết năm của các đơn vị thuộc tỉnh đối với các tập thể, cá nhân trực thuộc: gửi đến Sở Nội vụ chậm nhất ngày 28/02 hằng năm. Đối với ngành Giáo dục và Đào tạo: cấp Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở chậm nhất ngày 15/8; cấp Trung học phổ thông chậm nhất ngày 15/9 hằng năm.

3. Thời gian thông báo kết quả thẩm định, kết quả khen thưởng

a) Trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục, hồ sơ khen thưởng theo quy định, Sở Nội vụ thực hiện trình cấp có thẩm quyền khen thưởng;

Trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục khen thưởng, trong thời gian 10 ngày làm việc, giao Sở Nội vụ thông báo bằng văn bản kết quả cho cơ quan, đơn vị, địa phương trình khen thưởng biết; văn bản thông báo phải nêu rõ căn cứ pháp lý trả lại hồ sơ khen thưởng (đồng thời, báo cáo kết quả cho Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh biết);

Trường hợp kết quả thẩm định của Sở Nội vụ khác với đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương về hình thức khen thưởng, mức hạng khen thưởng, loại hình khen thưởng thì Sở Nội vụ phải thống nhất với cơ quan, đơn vị, địa phương trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

b) Trường hợp Sở Nội vụ đã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng hoặc trình cơ quan Trung ương, nhưng cấp có thẩm quyền không quyết định khen thưởng hoặc không đề nghị khen thưởng thì sau thời hạn

05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cấp có thẩm quyền khen thưởng về việc không khen thưởng, Sở Nội vụ thông báo kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị khen thưởng đến cơ quan, đơn vị, địa phương;

c) Sau khi nhận được quyết định khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Nội vụ cấp phát bằng khen, kinh phí khen thưởng (chuyển khoản), hiện vật khen thưởng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trình khen thưởng để tổ chức trao tặng theo quy định.

Điều 18. Hồ sơ xét, đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ xét tặng Giấy khen

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng (của bộ phận tham mưu công tác khen thưởng);

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân (trừ trường hợp khen thưởng theo thủ tục đơn giản);

c) Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng;

d) Trường hợp cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng của Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành, tỉnh do lập được thành tích đột xuất hoặc xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, ban, ngành, tỉnh hoặc có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện, nhân đạo thì phải có chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về thành tích đề nghị khen thưởng.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương (hoặc của cụm trường, khối trường đối với khối thi đua; cơ quan thường trực phong trào thi đua) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng danh hiệu quy định tại khoản 9 Điều 13 của Quy định này;

b) Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen thưởng;

c) Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng;

d) Trường hợp cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng Bằng khen của các cơ quan, ban, ngành, tỉnh do lập được thành tích đột xuất hoặc xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, ban, ngành, tỉnh hoặc có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện, nhân đạo thì phải có chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về thành tích đề nghị khen thưởng;

đ) Chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ, quyết định công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở hoặc hoàn thành xuất sắc

nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” trong trường hợp cá nhân, tập thể đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo tiêu chuẩn quy định tại điểm d khoản 1 và đối với tập thể tại điểm d khoản 3 Điều 74 Luật số 06/2022/QH15.

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản có 01 bộ (bản chính) gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng;

b) Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân, tập thể, hộ gia đình lập được thành tích hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp, trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng, quá trình công tác hoặc tóm tắt kết quả lập thành tích đối với khen thưởng thành tích có nội dung tối mật, tuyệt mật để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản theo Mẫu số 06, 07, 08 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khen thưởng và đề nghị khen thưởng ngay sau khi cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc đột xuất theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 85 của Luật Luật số 06/2022/QH15.

Điều 19. Trình tự, thủ tục xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Trình tự, thủ tục chung xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng:

a) Bước 1: Bộ phận tham mưu công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương (hoặc của cụm trường, khối trường đối với khối thi đua; cơ quan thường trực phong trào thi đua) tiếp nhận hồ sơ, đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của các tập thể, cá nhân thuộc, trực thuộc;

b) Bước 2: Căn cứ quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, bộ phận tham mưu công tác thi đua, khen thưởng tiến hành thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định;

c) Bước 3: Tham mưu Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tổ chức họp Hội đồng Thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương;

d) Bước 4: Bộ phận tham mưu công tác thi đua, khen thưởng hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xét khen hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét khen theo quy định;

đ) Bước 5: Gửi hồ sơ (đối với hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền của khen cấp Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị khác).

2. Đối với hồ sơ xét tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng thành tích công trạng (thành tích thường xuyên, ngành giáo dục và đào tạo), khen thưởng đột xuất thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gửi về Sở Nội vụ.

3. Đối với hồ sơ khen thưởng thành tích theo chuyên đề, các danh hiệu khác gửi hồ sơ theo quy định của cơ quan thường trực phong trào thi đua hoặc đơn vị chủ trì hướng dẫn.

4. Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng danh hiệu khen thưởng đối với tập thể, cá nhân đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 9 Quy định này. Sở Nội vụ thẩm định báo cáo Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh triệu tập cuộc họp và lấy ý kiến thành viên Hội đồng đối với xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua tỉnh” và các danh hiệu, khen thưởng cấp Nhà nước theo quy định; Sau khi có ý kiến thống nhất của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh theo quy định, Sở Nội vụ hoàn chỉnh hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen tặng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng cấp Nhà nước theo quy định.

Điều 20. Tuyến trình khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân làm chuyên trách công tác đảng, đoàn thể: cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức và quỹ lương thì cấp đó xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh: do cơ quan trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

b) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội thuộc cấp xã, do cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

2. Khen thưởng thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua cụm, khối thi đua: trên cơ sở kết quả bình xét thi đua của các cụm, khối thi đua, Cụm trưởng, Khối trưởng đề nghị tặng “Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Băng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” theo quy định.

3. Liên đoàn Lao động tỉnh khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng theo hướng dẫn của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

4. Đối với tuyến trình khen thưởng Đại biểu và cơ quan giúp việc của Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp

a) Đối với Hội đồng nhân dân tỉnh: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; tập thể, cá nhân tại Văn phòng và các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách cấp tỉnh (kể cả đối tượng là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được đề nghị khen do có nhiều thành tích sau khi hết nhiệm kỳ) do cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định;

b) Đối với Hội đồng nhân dân cấp xã: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; tập thể, cá nhân tại các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xét, khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

5. Đối với các Hội

a) Đối với các Hội tham gia khối thi đua thuộc tỉnh: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Các Hội được cấp có thẩm quyền cho phép thành lập nhưng không tham gia khối thi đua do tỉnh thành lập có phạm vi hoạt động trong tỉnh: do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về lĩnh vực đó xét khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng;

c) Các Hội có phạm vi hoạt động trong cấp xã: trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

6. Khen thưởng cấp Nhà nước, cấp tỉnh cho các tập thể, cá nhân thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo

a) Sở Giáo dục và Đào tạo: Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng, đề nghị Nhà nước tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc sở và các tổ chức sự nghiệp công lập trực thuộc Sở.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã:

Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng, đề nghị Nhà nước tặng thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc các trường học, cơ sở giáo dục do địa phương trực tiếp quản lý;

Xét, trình cấp có thẩm quyền tặng thưởng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” đối với các trường học, cơ sở giáo dục do địa phương trực tiếp quản lý;

c) Các trường Đại học, Cao đẳng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc cơ quan.

7. Thủ trưởng đơn vị lực lượng vũ trang lập hồ sơ khen thưởng theo quy định, gửi Sở Nội vụ thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, tặng “Bảng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh”.

8. Các trường hợp tập thể, cá nhân ngoài ngành, ngoài địa phương, ngoài tỉnh có thành tích hoặc có nhiều đóng góp cho ngành, địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng các ngành của tỉnh khen thưởng theo thẩm quyền hoặc có văn bản nhận xét đề nghị cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức, cá nhân đó khen thưởng. Trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

9. Khen thưởng trong chuyên đề thi đua, sơ kết, tổng kết thực hiện nhiệm vụ tại Chương trình mục tiêu quốc gia, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước: Các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao chủ trì, theo dõi các chuyên đề thi đua hoặc được giao chủ trì theo Kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tổ chức bình xét các tập thể, cá nhân, có thành tích xuất sắc trong thực hiện các chuyên đề thi đua khi thực hiện sơ kết, tổng kết (khi xây dựng, ban hành kế hoạch phát động phong trào thi đua phải có tiêu chí cụ thể và số lượng khen thưởng đề trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê

duyet; trường hợp kế hoạch phát động do Thủ trưởng các ngành chuyên môn phát động thì phải xin chủ trương Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước khi ban hành kế hoạch phát động).

10. Việc khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, truy bắt tội phạm, hành động dũng cảm, cứu người, cứu tài sản, gương người tốt, việc tốt do Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ đề nghị khen thưởng, bao gồm trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất trong thực hiện nhiệm vụ chính trị.

11. Đối với các tổ chức kinh tế không thuộc khối thi đua doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

12. Đối với công nhân và nông dân

a) Đối với công nhân: Công nhân trên địa bàn tỉnh có thành tích tốt, đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng;

b) Đối với nông dân: Nông dân có thành tích tiêu biểu, đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định do Ủy ban nhân dân cấp xã khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 21. Nghi thức công bố khen thưởng

1. Đơn vị chủ trì lễ công bố, trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải xây dựng kịch bản lễ công bố, trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

2. Đại diện lãnh đạo đơn vị tổ chức buổi lễ công bố toàn văn quyết định khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

3. Trong một số trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Chương V **TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG** **CỦA HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP**

Điều 22. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

1. Hội đồng thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh theo các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần tham gia Hội đồng

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Hội đồng có không quá 04 Phó Chủ tịch. Giám đốc Sở Nội vụ làm Phó Chủ tịch Thường trực. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cơ cấu, thành phần các thành viên Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền; đánh giá kết quả phong trào thi đua, công tác khen thưởng; sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước hằng năm, giai đoạn theo quy định của pháp luật;

b) Kiểm tra, giám sát phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng thưởng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng đúng quy định.

4. Hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

a) Hội đồng hoạt động theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, biểu quyết theo đa số, các ý kiến khác nhau của các Ủy viên Hội đồng về việc đề xuất các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng đều được báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định;

b) Hội đồng họp định kỳ 06 tháng một lần để đánh giá công tác của Hội đồng, tổng hợp tình hình phong trào thi đua và công tác khen thưởng trên địa bàn tỉnh, triển khai nhiệm vụ 06 tháng tiếp theo và cho ý kiến giải quyết những vấn đề cần thiết khác. Hội đồng có thể họp bất thường do Chủ tịch Hội đồng triệu tập;

Chủ tịch Hội đồng chủ trì hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng chủ trì phiên họp;

Hội đồng họp khi có ít nhất 2/3 tổng số Ủy viên tham dự. Đối với phiên họp có nội dung về xem xét đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu Anh hùng, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh” phải có ít nhất 80% tổng số Ủy viên Hội đồng tham dự;

c) Thành lập, hướng dẫn tổ chức và hoạt động các cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức;

d) Hội đồng theo dõi, đôn đốc, giám sát việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng và các phong trào thi đua của tỉnh.

5. Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng.

Điều 23. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan chuyên môn và tương đương, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; các cơ quan tham mưu giúp việc thuộc Tỉnh ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh,

các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; các đơn vị, tổ chức khác

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của các cơ quan, đơn vị là cơ quan do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thành lập, có trách nhiệm tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng thuộc cơ quan, đơn vị, ngành, lĩnh vực quản lý theo các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần tham gia Hội đồng

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị;

b) Hội đồng có 01 Phó Chủ tịch Hội đồng. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định cơ cấu, thành phần các thành viên Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng

a) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền; đánh giá kết quả phong trào thi đua, công tác khen thưởng; sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước hằng năm, giai đoạn theo quy định của pháp luật;

b) Kiểm tra, giám sát phong trào thi đua trong nội bộ cơ quan, đơn vị và thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng;

c) Tham mưu Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xét tặng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét, tặng thưởng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền.

4. Hoạt động của Hội đồng

a) Hội đồng hoạt động theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, biểu quyết theo đa số, các ý kiến khác nhau của các Ủy viên Hội đồng về thi đua, khen thưởng đều được báo cáo với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị để xem xét, quyết định;

b) Hội đồng họp định kỳ, họp bất thường do Chủ tịch Hội đồng triệu tập. Chủ tịch Hội đồng chủ trì hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp;

Hội đồng họp khi có ít nhất 2/3 tổng số Ủy viên tham dự. Đối với phiên họp có nội dung về xem xét đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu Anh hùng, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” phải có ít nhất 80% tổng số Ủy viên Hội đồng tham dự;

c) Thành lập, hướng dẫn tổ chức và hoạt động các cụm, khối thi đua (nếu có) do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức, phân công;

d) Hội đồng theo dõi, đôn đốc, giám sát việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng và các phong trào thi đua cơ quan, đơn vị.

5. Cơ quan, đơn vị làm công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị là cơ quan thường trực của Hội đồng.

Điều 24. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã là cơ quan do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập, có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng thuộc địa phương quản lý theo các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng, gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;
- b) Hội đồng có không quá 02 Phó Chủ tịch. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cơ cấu, thành phần các thành viên Hội đồng; Chủ tịch Hội đồng ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền; đánh giá kết quả phong trào thi đua, công tác khen thưởng; sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước hằng năm, giai đoạn theo quy định của pháp luật.

b) Kiểm tra, giám sát phong trào thi đua trên địa bàn cấp xã và thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng;

c) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xét tặng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét, tặng thưởng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền.

4. Hoạt động của Hội đồng

a) Hội đồng hoạt động theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, biểu quyết theo đa số, các ý kiến khác nhau của các Ủy viên Hội đồng về thi đua, khen thưởng đều được báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để xem xét, quyết định;

b) Hội đồng họp định kỳ, họp bất thường do Chủ tịch Hội đồng triệu tập. Chủ tịch Hội đồng chủ trì hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp;

Hội đồng họp khi có ít nhất 2/3 tổng số Ủy viên tham dự. Đối với phiên họp có nội dung về xem xét đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu Anh hùng, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” phải có ít nhất 80% tổng số Ủy viên Hội đồng tham dự;

c) Thành lập, hướng dẫn tổ chức và hoạt động các cụm, khối thi đua (nếu có) do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức, phân công;

d) Hội đồng theo dõi, đôn đốc, giám sát việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng và các phong trào thi đua trên địa bàn xã.

Chương VI

THỦ TỤC HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG; THU HỒI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG VÀ TIỀN THƯỞNG; THỦ TỤC CẤP ĐỔI, CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG

Mục 1

THỦ TỤC HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG, THU HỒI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG VÀ TIỀN THƯỞNG

Điều 25. Hồ sơ, thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân, hộ gia đình có hành vi thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 của Luật số 06/2022/QH15 bị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 của Luật số 06/2022/QH15 thì cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có 01 bộ (bản chính)

a) Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị thu hồi đối với từng danh hiệu thi đua, loại hình khen thưởng của cá nhân, tập thể, hộ gia đình;

b) Báo cáo tóm tắt của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng về lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (kèm theo Quyết định khen thưởng).

4. Sở Nội vụ tổng hợp hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Cơ quan, đơn vị tham mưu về công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết luận của cấp có thẩm quyền hoặc phát hiện hành vi vi phạm phải báo cáo Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng thuộc thẩm quyền.

6. Định kỳ trước ngày 15/10 hằng năm, các cơ quan, đơn vị và địa phương báo cáo, lập hồ sơ đề nghị thu hồi, hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo khoản 3 Điều này gửi về Sở Nội vụ tổng hợp. Đồng thời, báo cáo số liệu thu hồi, hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quy định.

Điều 26. Thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định hủy bỏ danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của cấp có thẩm quyền, cá nhân, tập thể, hộ gia đình có trách nhiệm nộp lại đầy đủ hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận cho cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khen thưởng.

2. Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có trách nhiệm đôn đốc cá nhân, tập thể, hộ gia đình nộp lại hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận đúng thời hạn và tổ chức thu hồi theo quy định.

Mục 2

THỦ TỤC CẤP PHÁT, CẤP ĐỔI, CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG

Điều 27. Quản lý, cấp phát hiện vật khen thưởng

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm mua sắm, bảo quản, cấp phát hiện vật khen thưởng thuộc thẩm quyền trao tặng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (khen thưởng cấp tỉnh) và chuyển tiền khen thưởng qua tài khoản của các cơ quan, đơn vị, địa phương trình khen để chi cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình được khen thưởng; hướng dẫn, kiểm tra việc cấp phát hiện vật khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương cho các cá nhân, tập thể, hộ gia đình được khen thưởng.

2. Cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo hiện vật khen thưởng (nếu có) cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình được khen thưởng.

3. Đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác do cơ quan có thẩm quyền quyết định khen thưởng tổ chức mua sắm, bảo quản, trao tặng và cấp phát hiện vật khen thưởng.

4. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình được tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có quyền lưu giữ, trưng bày, bảo quản và sử dụng hiện vật khen thưởng lâu dài, đúng mục đích và ý nghĩa. Tập thể được sử dụng biểu tượng của các hiện vật khen thưởng đã được tặng thưởng để tuyên truyền trên các văn bản, tài liệu chính thức của tập thể.

Điều 28. Cấp đổi hiện vật khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng cấp tỉnh có 01 bộ (bản chính)

a) Công văn đề nghị cấp đổi của tập thể hoặc đơn đề nghị cấp đổi của cá nhân, hộ gia đình khi có hiện vật khen thưởng bị hư hỏng không còn giá trị sử dụng và hư hỏng vì lý do khách quan như thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn hoặc do in sai bằng (kèm theo bằng khen in sai);

b) Công văn đề nghị cấp đổi của cơ quan, đơn vị kèm danh sách gửi Sở Nội vụ đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng cấp tỉnh.

2. Thủ tục cấp đổi hiện vật khen thưởng cấp tỉnh

a) Tập thể có công văn, cá nhân, hộ gia đình có đơn đề nghị cấp đổi gửi cơ quan, đơn vị, địa phương (nơi đang công tác hoặc nơi cư trú) kèm theo hiện vật khen thưởng đề nghị cấp đổi;

b) Cơ quan, đơn vị, địa phương tổng hợp và gửi công văn đề nghị cấp đổi kèm theo danh sách và hiện vật khen thưởng cũ, hư hỏng gửi Sở Nội vụ xem xét, cấp đổi;

c) Xác nhận khen thưởng và thực hiện cấp đổi hiện vật khen thưởng:

Căn cứ công văn đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Nội vụ tra cứu, xác nhận khen thưởng và thực hiện cấp đổi hiện vật khen thưởng đồng thời thu lại hiện vật khen thưởng cũ, hư hỏng;

Hiện vật khen thưởng cấp đổi do Sở Nội vụ chịu trách nhiệm mua sắm, in ấn theo mẫu quy định. Riêng các hình thức khen thưởng cấp tỉnh trước đây thì cấp theo mẫu hiện hành.

3. Thời gian giải quyết cấp đổi hiện vật khen thưởng

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị cấp đổi của tập thể, cá nhân, gửi hồ sơ tới Sở Nội vụ.

b) Sở Nội vụ trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, trả kết quả cấp đổi cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Cơ quan có thẩm quyền quyết định khen thưởng ra văn bản giải quyết cấp đổi hiện vật khen thưởng trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị cấp đổi.

d) Hằng năm, Sở Nội vụ có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình cấp đổi hiện vật khen thưởng để theo dõi.

4. Hiện vật khen thưởng thu lại do cấp đổi, cơ quan có thẩm quyền cấp đổi có trách nhiệm thực hiện thanh lý hoặc xử lý, tiêu hủy theo quy định hiện hành.

Điều 29. Cấp lại hiện vật khen thưởng của tỉnh

1. Hồ sơ đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng có 01 bộ (bản chính)

a) Công văn đề nghị cấp lại của tập thể hoặc đơn đề nghị cấp lại của cá nhân, hộ gia đình khi có hiện vật khen thưởng bị thất lạc, bị mất do khách quan như thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn hoặc do in sai bằng của bộ, ban, ngành, tỉnh đã trình khen thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình;

b) Công văn đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng của cơ quan, đơn vị kèm theo danh sách gửi Sở Nội vụ.

2. Thủ tục cấp lại hiện vật khen thưởng

a) Tập thể có công văn, cá nhân, hộ gia đình có đơn đề nghị cấp lại gửi cơ quan, đơn vị, địa phương đã trình khen cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình;

b) Cơ quan, đơn vị, địa phương đối chiếu với hồ sơ lưu, xác nhận, tổng hợp và gửi công văn kèm theo danh sách đến Sở Nội vụ;

c) Xác nhận khen thưởng và thực hiện cấp lại hiện vật khen thưởng;

Căn cứ công văn đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Nội vụ tra cứu hồ sơ, xác nhận khen thưởng và thực hiện cấp lại hiện vật khen thưởng. Hiện vật khen thưởng cấp lại do Sở Nội vụ chịu trách nhiệm mua sắm.

3. Thời gian giải quyết cấp lại hiện vật khen thưởng

Cơ quan, đơn vị, địa phương trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị cấp lại của tập thể, cá nhân, gửi hồ sơ tới Sở Nội vụ;

Sở Nội vụ trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, trả kết quả cấp lại cho cơ quan, đơn vị, địa phương;

Cơ quan có thẩm quyền quyết định khen thưởng ra văn bản giải quyết cấp lại hiện vật khen thưởng trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị cấp lại.

Hàng năm, Sở Nội vụ có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình cấp lại hiện vật khen thưởng cấp tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

Chương VII **TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA CỤM, KHỐI THI ĐUA**

Điều 30. Tổ chức cụm, khối thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt việc thành lập, điều chỉnh, bổ sung cụm, khối thi đua theo đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

2. Hàng năm, cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, thẩm định, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh về thành lập, điều chỉnh, bổ sung các cụm, khối thi đua đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị trong cụm, khối theo hướng dẫn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương và Bộ Nội vụ.

Điều 31. Hoạt động của cụm, khối thi đua

1. Hàng năm, các cụm, khối thi đua có trách nhiệm bầu đơn vị Trưởng cụm, Phó Trưởng cụm, Trưởng khối, Phó Trưởng khối thi đua.

Trưởng cụm, khối thi đua có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị thành viên xây dựng và ban hành quy chế hoạt động, tổ chức phong trào thi đua của cụm, khối thi đua, bảo đảm nền nếp, hiệu quả.

2. Hàng năm, cụm, khối thi đua tổ chức phát động thi đua và ký giao ước thi đua ngay từ đầu năm công tác. Sơ kết, tổng kết các hoạt động của cụm, khối thi đua; bình xét thi đua và đề nghị khen thưởng cho các tập thể xuất sắc, tiêu biểu. Các đơn vị tham gia cụm, khối thi đua có trách nhiệm động viên, khuyến khích các tập thể, cá nhân trong đơn vị tích cực tham gia các phong trào thi đua và các nội dung cam kết thi đua.

3. Cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo công nhận Trưởng cụm, Phó Trưởng cụm, Trưởng khối, Phó Trưởng khối thi đua hàng năm.

Điều 32. Nguyên tắc hoạt động của cụm, khối thi đua

Cụm, khối thi đua hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, đoàn kết, hợp tác cùng phát triển, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện các phong trào thi đua hằng năm do Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành, đơn vị, địa phương phát động; bình xét, suy tôn đơn vị trong cụm, khối có thành tích xuất sắc đề nghị khen thưởng theo quy định.

Chương VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn

1. Sở Nội vụ tham mưu kiểm tra, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính phối hợp cung cấp thông tin doanh nghiệp và hướng dẫn đề xuất các tiêu chí tôn vinh danh hiệu cho doanh nhân, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác phù hợp theo lĩnh vực phụ trách và tổng hợp đề nghị khen thưởng và tổng hợp đề nghị khen thưởng.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xét, công nhận sáng kiến và các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã đánh giá, bình xét các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khu phố, khóm, ấp văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu” theo Quyết định số 33/2026/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định tiêu chuẩn, hướng dẫn đánh giá, bình xét các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khu phố, khóm, ấp văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 34. Trách nhiệm thi hành

1. Các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và Quy định này để thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, tổ chức xây dựng phong trào thi đua, phát hiện và bồi dưỡng điển hình tiên tiến ở cơ quan, đơn vị.

2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quy định này được thay đổi thì thực hiện theo quy định mới. Trong quá trình triển khai thực hiện có phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.



Phụ lục
THÀNH PHẦN HỒ SƠ KHEN THƯỞNG
VÀ CÁC ĐIỀU MẪU HỒ SƠ KHEN THƯỞNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2026/QĐ-UBND)

A. THÀNH PHẦN HỒ SƠ KHEN THƯỞNG

I. TẬP THỂ

1. Danh hiệu lao động tiên tiến

Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu lao động tiên tiến:

- Văn bản, quyết định, thông báo,.... đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (đáp ứng các tiêu chuẩn theo Điều 28 Luật số 06/2022/QH15);
- Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị;
- Thâm quyền của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét công nhận.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng (Mẫu 01).
- Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng (Mẫu 03).
- Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen thưởng (Mẫu 04)
- Văn bản, quyết định, thông báo,.... đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (đáp ứng các tiêu chuẩn theo Điều 27 Luật số 06/2022/QH15).

3. Danh hiệu Cờ thi đua của tỉnh

Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu Cờ thi đua của tỉnh:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng (Mẫu 01).
- Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng (Mẫu 03).
- Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen thưởng (Mẫu 07)
- Văn bản, quyết định, thông báo,.... đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (đáp ứng các tiêu chuẩn theo Điều 26 Luật số 06/2022/QH15).
- Việc đề nghị tặng Cờ thi đua của tỉnh cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào được thực hiện theo kế hoạch của tỉnh”.

4. Bảng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Hồ sơ đề nghị xét tặng hoặc truy tặng Bảng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng (Mẫu 01); đối với nội dung trình khen thưởng thành tích đột xuất hoặc xuất sắc đột xuất thực hiện theo quy trình rút gọn (Mẫu 02);

- Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua- Khen thưởng cấp trình khen thưởng (Mẫu 03);

- Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen thưởng (Khen thưởng công trạng mẫu 04; đột xuất mẫu 08; chuyên đề mẫu 09);

- Các văn bản minh chứng: Văn bản, quyết định, thông báo,... (đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng);

- Trường hợp tập thể được đề nghị khen thưởng Bảng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh do lập được thành tích đột xuất hoặc xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh hoặc có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện, nhân đạo thì phải có chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về thành tích đề nghị khen thưởng.

II. CÁ NHÂN

1. Danh hiệu lao động tiên tiến

Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu lao động tiên tiến:

- Văn bản, quyết định, thông báo,... đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (đáp ứng các tiêu chuẩn theo Điều 24 Luật số 06/2022/QH15 và khoản 5 Điều 2 Thông tư số 15/2025/TT-BNV);

- Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị;

- Thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét công nhận.

2. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở

Hồ sơ xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở

- Văn bản, quyết định, thông báo,... đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (đáp ứng các tiêu chuẩn theo Điều 23 Luật số 06/2022/QH15);

- Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị;

- Thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét công nhận.

3. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị

Hồ sơ xét tặng Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị:

- Văn bản, báo cáo kết quả thành tích đạt được của nội dung khen thưởng;
- Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị;
- Thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét công nhận.

4. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua tỉnh

Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua tỉnh

- Tờ trình đề nghị khen thưởng (Mẫu 01).
- Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng (Mẫu 03).
- Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen thưởng (Mẫu 06);
- Văn bản, quyết định, thông báo,.... đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (đáp ứng các tiêu chuẩn theo Điều 22 Luật Thi đua, khen thưởng).

5. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Hồ sơ đề nghị xét tặng hoặc truy tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng (Mẫu 01).
- Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua- Khen thưởng cấp trình khen thưởng (Mẫu 03).
- Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen thưởng (Khen thưởng công trạng mẫu 04, 05; đột xuất mẫu 08; chuyên đề mẫu 09).
- Các văn bản minh chứng: Văn bản, quyết định, thông báo,.... (đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng).
- Trường hợp cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh do lập được thành tích đột xuất hoặc xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh hoặc có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đất nước, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện, nhân đạo thì phải có chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về thành tích đề nghị khen thưởng.

B. CÁC BIỂU MẪU HỒ SƠ KHEN THƯỞNG

Mẫu số 01

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TTTr-.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH Về việc đề nghị tặng (truy tặng)...

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

Căn cứ..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của.....;

Căn cứ.....;kính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

Xét tặng/truy tặng (danh hiệu) chotập thể/.....hộ gia đình/.....cá nhân.

Hoặc xét, tặng/truy tặng (hình thức khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) cho..... tập thể/ cá nhân đã có thành tích.....

(Có danh sách và hồ sơ đề nghị khen thưởng kèm theo)

Kính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định khen thưởng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Sở Nội vụ;
-;
- Lưu: VT,

.....

.....

Mẫu số 02

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TTtr-.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị tặng (thành tích đột xuất hoặc xuất sắc đột xuất)...

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

Căn cứ..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của.....;

Căn cứ.....;kính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

Xét tặng/truy tặng (danh hiệu) chotập thể/.....hộ gia đình/.....cá nhân.

Hoặc xét, tặng/truy tặng (hình thức khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) cho..... tập thể/ cá nhân đã có thành tích.....

(Có danh sách và hồ sơ đề nghị khen thưởng kèm theo)

Các..... (tập thể hoặc cá nhân; hoặc vừa tập thể, vừa cá nhân) trên đã chấp hành tốt chủ trương của đảng, chính sách pháp luật của nhà nước tại địa phương (hoặc nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị); đảm bảo đủ điều kiện khen thưởng theo quy định pháp luật hiện hành.

Kính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định khen thưởng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Sở Nội vụ;

-

- Lưu: VT,

.....

.....

.....
HỘI ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN
Họp xét thi đua, khen thưởng.....

Hôm nay vào lúc giờngàythángnăm tạitiến hành cuộc họp

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng:

a) Có mặt thành viên.

b) Vắng thành viên:(lý do...).

2. Chủ trì cuộc họp:

3. Thư ký:

II. NỘI DUNG, DIỄN BIẾN CUỘC HỌP

..... quán triệt và triển khai thực hiện công tác bình xét danh hiệu năm theo văn bản/hướng dẫn số..... ngày của

.....văn cứ nội dung, tiêu chuẩn thi đua và bộ phiếu bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân của

- Lần 1: Lấy phiếu biểu quyết những tập thể, cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”

- Lần 2: Lấy phiếu biểu quyết danh hiệu “tập thể lao động xuất sắc”; cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ thi đua tỉnh” (Theo tỉ lệ quy định); Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh;

.....

(Tùy theo nội dung xét khen thưởng, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng/Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị điều chỉnh nội dung cho phù hợp với thực tế).

1. Kết quả bình xét danh hiệu thi đua

a) Danh hiệu tập thể:

- Đạt danh hiệu tập thể lao động.....

-.....

b) Danh hiệu cá nhân:

- Đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”có: người.

- Đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” có: người.

(Có danh sách kèm theo)

- Không đạt có:người.

- Không bình xét có: người.

2. Đề nghị khen thưởng

Căn cứ thành tích, đề nghị (Có danh sách kèm theo)

Kết quả bình xét thi đua, khen thưởng và biên bản được đọc lại trước các thành viên tham dự cuộc họp. Cuộc họp kết thúc lúc giờ phút, ngày thángnăm/.

THƯ KÝ

CHỦ TRÌ

.....

.....

Nơi nhận:

-

-

-

-

- Lưu:/.....

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ TẶNG.....

(Khen thưởng thành tích công trạng)

Tên tập thể đề nghị

(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, địa chỉ trang tin điện tử:

2. Chức năng, nhiệm vụ được giao

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan (đơn vị) và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định của Chính phủ.

Tuỳ theo hình thức đề nghị khen thưởng, nội dung báo cáo thành tích nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về hiệu quả, năng suất, chất lượng, kết quả công tác so với giai đoạn trước khi đề nghị khen thưởng; việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; nghiên cứu khoa học, công nghệ áp dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với bộ, ban, ngành, địa phương và cả nước.

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được thực hiện có hiệu quả trong thực tiễn công tác, lao động, sản xuất, kinh doanh của cơ quan, đơn vị.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Hoạt động của tổ chức Đảng, đoàn thể.

**III. KẾT QUẢ XẾP LOẠI MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ;
DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC NHẬN**

1. Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ

Năm	Mức độ	Số, ngày, tháng, năm của quyết định hoặc ngày tháng năm của văn bản xác nhận

2. Danh hiệu thi đua

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

3. Hình thức khen thưởng

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH
KHEN THƯỞNG**
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ TẶNG.....
(Khen thưởng thành tích công trạng)

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt):
- Sinh ngày, tháng, năm:.....Giới tính:.....Dân tộc, tôn giáo.
- Quê quán:
- Nơi thường trú:
- Cơ quan, địa phương công tác:
- Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể):
- Trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ (nếu có):
- Học hàm, học vị, danh hiệu, giải thưởng:

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao hoặc đảm nhận

2. Thành tích đạt được của cá nhân

Nêu thành tích cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao trong giai đoạn lập thành tích tương ứng với tiêu chuẩn của hình thức khen thưởng được đề nghị (kết quả đã đạt được về năng suất, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; các biện pháp, giải pháp công tác trong việc đổi mới công tác quản lý; đề tài nghiên cứu khoa học; việc đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào thực tiễn; việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; công tác bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức; chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên; vai trò của cá nhân trong công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể; công tác tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện...(nếu có).

- Đối với người làm công tác lãnh đạo, quản lý: nêu tóm tắt thành tích của đơn vị, riêng thủ trưởng đơn vị kinh doanh lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Giá trị tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, đầu tư tái sản xuất, thu nhập bình quân; các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi); phúc lợi xã hội trong thời gian tính thành tích đề nghị khen thưởng.

- Đối với trường học: Báo cáo phải thể hiện rõ kết quả về công tác tổ chức và quản lý, quản trị nhà trường; phát triển đội ngũ; tài chính, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục; nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế (đối với cơ sở đào tạo), có so sánh với giai đoạn trước khi khen thưởng.

- Đối với bệnh viện: Lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Tổng số người khám, chữa bệnh; tổng số người được điều trị nội, ngoại trú; tổng số giường bệnh đưa vào sử dụng; số người được khám, điều trị bệnh, chữa bệnh miễn phí; số đề tài nghiên cứu khoa học, các sáng kiến, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi về kinh tế, xã hội ...).

- Đối với các hội đoàn thể: lấy kết quả thực hiện các nhiệm vụ công tác trọng tâm, các chương trình công tác của trung ương hội, đoàn thể giao.

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước: lấy kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trong quản lý nhà nước; thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và công tác tham mưu trong phát triển đơn vị, ngành, địa phương.

III. KẾT QUẢ XẾP LOẠI MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ; DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC NHẬN

1. Quyết định công nhận hoặc văn bản xác nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ

2. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

3. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH KHEN THƯỞNG
(Ký, đóng dấu)

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng...năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ TẶNG DANH HIỆU “CHIẾN SĨ THI ĐUA TỈNH”

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt):
- Sinh ngày, tháng, năm:.....Giới tính:.....Dân tộc, tôn giáo
- Quê quán:
- Nơi thường trú:
- Cơ quan, địa phương công tác:
- Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể):
- Trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ (nếu có):
- Học hàm, học vị, danh hiệu, giải thưởng:

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao hoặc đảm nhận:

2. Thành tích đạt được của cá nhân:

Nêu thành tích cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao trong giai đoạn lập thành tích, kết quả đã đạt được về năng suất, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; các biện pháp, giải pháp công tác trong việc đổi mới công tác quản lý; đề tài nghiên cứu khoa học; việc đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào thực tiễn; việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; công tác bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức; chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên; vai trò của cá nhân trong công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể; công tác tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện...(nếu có).

Ghi rõ nội dung các sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ (tham gia là thành viên hoặc chủ nhiệm đề tài khoa học), có chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (ghi rõ văn bản, ngày, tháng, năm) đối với danh hiệu thi đua áp dụng tiêu chuẩn là sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ hoặc ghi rõ thành tích thể hiện sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu đối với danh hiệu thi đua áp dụng tiêu chuẩn là sự mưu trí, sáng tạo kèm theo hình thức khen thưởng đã được tặng.

Đối với người làm công tác lãnh đạo, quản lý: nêu tóm tắt thành tích của đơn vị, riêng thủ trưởng đơn vị kinh doanh lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Giá trị tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, đầu tư tái sản xuất, thu nhập bình quân; các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi); phúc lợi xã hội trong thời gian tính thành tích đề nghị tặng danh hiệu thi đua.

III. DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC NHẬN

1. Danh hiệu thi đua

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH KHEN THƯỞNG
(Ký, đóng dấu)

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG DANH HIỆU “CỜ THI ĐUA CỦA TỈNH”**

Tên tập thể đề nghị

(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, địa chỉ trang tin điện tử.

2. Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan (đơn vị) và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định của Chính phủ.

Nội dung báo cáo thành tích nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về hiệu quả, năng suất, chất lượng, kết quả công tác so với năm trước; việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; nghiên cứu khoa học, công nghệ áp dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với cơ quan, đơn vị.

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được thực hiện có hiệu quả trong thực tiễn công tác, lao động, sản xuất, kinh doanh của cơ quan, đơn vị.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Hoạt động của tổ chức Đảng, đoàn thể.

III. DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC NHẬN

1. Danh hiệu thi đua

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH
KHEN THƯỞNG**
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG (TRUY TẶNG).....**

(Khen thưởng thành tích đột xuất)

Tên tập thể hoặc cá nhân đề nghị khen thưởng
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đối với đơn vị ghi sơ lược năm thành lập, cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức. Chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Đối với cá nhân ghi rõ: Họ và tên (bỉ danh), ngày, tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo nêu ngắn gọn nội dung thành tích đột xuất đã đạt được (trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu; trong lao động, công tác, sản xuất, kinh doanh, học tập và nghiên cứu khoa học hoặc lĩnh vực khác hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân,...)./.

**XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH
KHEN THƯỞNG**
(Ký, đóng dấu)

ĐƠN VỊ HOẶC CÁ NHÂN BÁO CÁO
(Ký, đóng dấu)

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG.....

Tên đơn vị hoặc cá nhân và chức vụ, đơn vị đề nghị khen thưởng

(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Đối với đơn vị: Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử; cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức; chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Đối với cá nhân ghi rõ: Họ và tên (bí danh), ngày, tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo kết quả thành tích xuất sắc đạt được, các chỉ tiêu về năng suất, chất lượng, hiệu quả trong các phong trào thi đua chuyên đề hoặc chuyên đề thi đua phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước, của cơ quan, đơn vị, các thành tích có đóng góp vào sự phát triển kinh tế, xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện, nhân đạo; các biện pháp, giải pháp đạt được thành tích xuất sắc, mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội, dẫn đầu phong trào thi đua; những kinh nghiệm rút ra trong đợt thi đua./.

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH
KHEN THƯỞNG

(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ HOẶC
CÁ NHÂN BÁO CÁO

(Ký, đóng dấu)